

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2025
"Tranh chấp về ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng
- Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng
Ông Nguyễn Thái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2024/ TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Xuân L, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Hàn Quốc); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân L kết hôn ngày 27/6/2016, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, anh L chỉ ở nhà được một thời gian ngắn thì đi xuất khẩu lao động đến nay không về, nhiều lần chị yêu cầu anh L về Việt Nam để ổn định cuộc sống gia đình nhưng anh L đưa ra nhiều lý do không chịu về. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, giữa vợ chồng ngày càng có sự khác

biệt về suy nghĩ và lối sống nên hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lê Xuân L](#).

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị [Nguyễn Thị T](#) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Chị [Nguyễn Thị T](#) trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh [Lê Xuân L](#) tại Hàn Quốc mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho mẹ để anh là bà [Hoàng Thị N](#), sinh năm 1958, trú tại [thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh [L](#) qua mẹ anh.

Bị đơn anh [Lê Xuân L](#) hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Toà án đã tiến hành xác minh tại mẹ đẻ anh là bà [Hoàng Thị N](#), sinh năm 1958, trú tại [thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), bà [N](#) cho biết anh [Lê Xuân L](#) là con trai bà, anh [L](#) đi lao động tại nước Hàn Quốc từ năm 2018 đến nay chưa về nước lần nào, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua mạng xã hội nhưng không ai biết địa chỉ cụ thể của anh [L](#) nên không cung cấp được cho Tòa án. [Anh L1](#) kết hôn với chị [Nguyễn Thị T](#) năm 2016, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, cụ thể bà không nắm rõ. Việc vợ chồng làm thủ tục ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho anh [L1](#) nhưng anh [L1](#) không có ý kiến gì, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản trình bày ý kiến gì về. Việc ly hôn do 02 vợ chồng quyết định, bà không có ý kiến gì. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho anh [L1](#).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị T](#) ly hôn với anh [Lê Xuân L](#).
- Về con chung: Không có con chung nên miễn xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét;
- Về án phí: Chị [Nguyễn Thị T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị [Nguyễn Thị T](#) (trú tại [thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)) khởi kiện xin ly hôn anh [Lê Xuân L](#) (Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)), anh [L](#) đang sống và làm việc tại nước Hàn Quốc. Theo công văn số 06/QLXNC- Đ1 ngày 03/01/2025 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H](#) thì anh [Lê Xuân L](#) đã xuất cảnh ngày 24/4/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh [Lê Xuân L](#) hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh [Lê Xuân L](#). Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của anh [Lê Xuân L](#) đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Nguyễn Thị T](#) nhưng anh [L](#) không có ý kiến hay bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án yêu cầu thân nhân của anh [L](#) cung cấp địa chỉ, tin tức để Tòa án giải quyết vụ án nhưng gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh [L](#). Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho anh [L](#) trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 24, 25, 26/02/2025 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa án định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 09/4/2025, lần 2 vào ngày 24/4/2025 tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh [L](#) vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Chị [Nguyễn Thị T](#) vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh [L](#), chị [T](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị T](#) và anh [Lê Xuân L](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị [T](#) và anh [L](#) là hợp pháp. Theo chị [T](#) trình bày từ năm 2018 anh [L](#) đi xuất khẩu lao động làm việc tại nước Hàn Quốc đến nay chưa về nước lần nào. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị [T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh [L](#). Quá trình giải quyết vụ án, anh [Lê Xuân L](#) đã được gia đình thông báo về việc chị [Nguyễn Thị T](#) có đơn xin ly hôn, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt văn bản cho anh nhưng anh không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ anh [L](#) có ý thức bỏ mặc hôn nhân. Hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, hiện mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị [T](#) và anh [L](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị [Nguyễn Thị T](#).

[3] Về con chung: Chị [Nguyễn Thị T](#) và anh [Lê Xuân L](#) không có con chung, miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thị T](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Nguyễn Thị T](#), xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị T](#) ly hôn với anh [Lê Xuân L](#).

2. Về án phí: Chị [Nguyễn Thị T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00000230 ngày 23/12/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
 - VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
 - Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
 - Các đương sự;
 - UBND xã C
- huyện C, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng